TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/DS-ST
Ngày 15 - 4 - 2024
Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Mộng Chi

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Công Đẳng

Bà Lê Thị Quyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 363/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Minh Th, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã K H, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:*

1. Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1983 (vắng mặt)

2. Bà Đoàn Thị T, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã K H, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Đỗ Minh Th trình bày:*

Giữa ông và ông Bùi Văn Đ, bà Đoàn Thị T có quen biết nên vào ngày 27 tháng 12 năm 2020 ông Đ, bà T có vay của ông số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng nhưng từ khi vay tiền đến nay ông Đ, bà T không trả tiền lãi và tiền gốc cho ông. Ông đã gặp ông Đ, bà T để đòi tiền nhiều lần nhưng ông Đ, bà T không thanh toán cho ông. Ông yêu cầu ông Đ, bà T phải trả tiền lãi cho ông theo lãi suất bằng 1,66%/tháng tính từ ngày 27 tháng 12 năm 2020 âm lịch đến

ngày 27 tháng 11 năm 2024 âm lịch là 35 tháng với số tiền lãi được tính là 200.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 35 tháng = 116.200.000 đồng.

Tại đơn yêu cầu ngày 11 tháng 4 năm 2024 ông Th thay đổi yêu cầu khởi kiện ông chỉ yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 100.000.000 đồng tại giấy nợ có đề ngày tháng năm còn lại số tiền 100.000.000 đồng tại giấy nợ không đề ngày tháng năm ông chỉ yêu cầu trả gốc. Số tiền lãi ông yêu cầu là 100.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 35 tháng = 58.100.000 đồng. Tổng số tiền gốc ông yêu cầu là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 58.100.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Bùi Văn Đ và bà Đoàn Thị T đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Đ, bà T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Ông Đỗ Minh Th khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn Đ và bà Đoàn Thị T trả tiền vay. Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét việc ông Th thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được xem xét.

Ông Đ, bà T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ, bà T theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Đối với việc ông Đỗ Minh Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Văn Đ và bà Đoàn Thị T trả cho ông tổng số tiền vay gốc 200.000.000 đồng. Xét thấy, việc ông Đ và bà T vay tiền của ông Th là có thật thể hiện tại giấy ghi có nội dung *"Đậm Thúy có hỏi vượn Thư số tiền là một trăm triệu đồng 100.000.000 lãi 5%..."* (bút lục 01) và giấy ghi có nội dung *"Đậm Thúy có nhận Dượng Thư 100 triệu 5%/ngày..."* (bút lục 02). Mặt khác, quá trình Tòa án giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các vản bản tố tụng cho ông Đ, bà T nhưng ông Đ và bà T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Minh Th đối với ông Bùi Văn Đ và bà Đoàn Thị T về việc trả tiền vay gốc 200.000.000 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi suất của ông Đỗ Minh Th: Ông Th xác định tại một giấy nợ ghi lãi 5%/ngày là khi viết giấy nợ ông Đ tự ghi nhưng các bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng chứ không phải 5%/ngày, ông Th cũng xác định quá trình vay ông Đ, bà T không có trả lãi cho ông. Xét thấy khi vay giữa ông Th với ông Đ, bà T thỏa thuận lãi suất 5%/tháng là cao nhưng ông Th khởi kiện yêu cầu

tính lãi bằng 1,66%/tháng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Quá trình khởi kiện ông Th yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc 200.000.000 đồng nhưng ông Th thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc 100.000.000 đồng tại giấy nợ có đề ngày tháng năm. Ông Th thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện nên được chấp nhận. Số tiền lãi được tính từ ngày 27/12/2020 đến ngày 27/11/2023 là 35 tháng: 100.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 35 tháng = 58.100.000 đồng.

Tổng số tiền vay gốc và lãi buộc ông Đ và bà T liên đới trả cho ông Th là 258.100.000 đồng.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Bùi Văn Đ và bà Đoàn Thị T phải chịu 137.800.000 đồng x 5% = 12.905.000 đồng. Ông Th không phải chịu án phí, ông Th đã nộp tạm ứng án phí được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Minh Th về việc yêu cầu ông Bùi Văn Đ và bà Đoàn Thị T trả tiền vay.

Buộc ông Bùi Văn Đ và bà Đoàn Thị T liên đới trả cho ông Đỗ Minh Th tổng số tiền 258.100.000 (hai trăm năm mươi tám triệu một trăm nghìn) đồng, trong đó tiền vay gốc 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, tiền lãi 58.100.000 (năm mươi tám triệu một trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Bùi Văn Đ và bà Đoàn Thị T phải chịu 12.905.000 (mười hai triệu chín trăm lẽ năm nghìn) đồng.

Ông Đỗ Minh Th không phải chịu án phí. Ông Đỗ Minh Th đã nộp tạm ứng án phí số tiền 7.905.000 (bảy triệu chín trăm lẽ năm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006081 ngày 06 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Th, ông Đ, bà T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

Nguyễn Mộng Chi